

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm 2019

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân huyện thông báo công khai số liệu (chi tiết tại các biểu số 93/CK-NSNN, 94/CK-NSNN, 95/CK-NSNN đính kèm) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2019, cụ thể như sau:

I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 03 tháng đầu năm 2019 là 63.140 triệu đồng, đạt 24% dự toán tỉnh giao, 24% dự toán địa phương và giảm 13% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 94/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 63.140 triệu đồng, đạt 24% dự toán tỉnh giao, 24% dự toán địa phương, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2019.

Một số khoản thu giảm so với cùng kỳ năm trước như thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân. Một số khoản thu vượt tiến độ thực hiện so với dự toán giao đầu năm, cụ thể như: Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước 2.350 triệu đồng, đạt 84% dự toán địa phương, tăng 263% so với cùng kỳ năm trước; Thu phí, lệ phí 1.261 triệu đồng, đạt 50% dự toán địa phương, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước; Thu tiền sử dụng đất 1.611 triệu đồng, đạt 23% dự toán địa phương, giảm 31% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu huy động đóng góp là 311 triệu đồng, bằng 60% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 03 tháng đầu năm 2019 có một số khoản thu đã đạt và vượt tiến độ dự toán đề ra, bên cạnh đó một số khoản thu từ nguồn thu thủy điện của khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chưa đạt so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là từ đầu năm đến nay trên địa bàn huyện chưa có mưa nhiều, chưa đủ để phát huy hết công suất các nhà máy thủy điện trên địa bàn huyện nên cũng đã ảnh hưởng đến thu ngân sách huyện từ nguồn thu này.

III. Chi ngân sách địa phương (NSDP): (Chi tiết như Biểu số 95/CK-NSNN)

Tổng chi NSDP thực hiện 03 tháng đầu năm 2019 là 104.029 triệu đồng, đạt 27% dự toán, giảm 1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 22.071 triệu đồng, đạt 105% dự toán.

2. Chi thường xuyên 81.958 triệu đồng, đạt 26% dự toán. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 47.093 triệu đồng, đạt 23% dự toán, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước; Chi quốc phòng là 1.607 triệu đồng, đạt 36% dự toán;

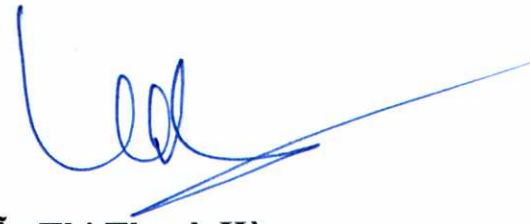
* Nhìn chung chi NSDP 03 tháng đầu năm 2019 được kiểm soát chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, đảm bảo kịp thời thực hiện các nhiệm vụ an ninh quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương, tập trung nguồn lực để tăng chi đầu tư phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh đó có một số lĩnh vực có tỷ lệ giải ngân còn thấp so với dự toán được giao.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2019 của huyện Cư Jút./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP UBND huyện;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Đài phát thanh và Truyền hình huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Trang thông tin điện tử Phòng TC-KH;
- Lưu: VP HĐND&UBND huyện.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Hà

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 445/BC-UBND, ngày 16/ 4/2019 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I/2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	390.456	134.075	34	109
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	54.205	16.183	30	96
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	336.251	116.710	35	110
III	Thu kết dư				
IV	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		871		
VI	Các khoản thu quản lý qua NSNN		311		60
B	TỔNG CHI NSDP	390.456	104.029	27	99
I	Tổng chi cân đối NSDP	339.450	104.029	31	112
1	Chi đầu tư phát triển	21.046	22.071	105	155
2	Chi thường xuyên	309.853	81.958	26	104
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	8.551			
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu	8.910	0	0	
1	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	6.577		0	
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	2.333		0	
III	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	42.096			0
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 115/BC-UBND, ngày 16 / 04 /2019 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I/2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	259.500	63.140	24	87
I	Thu nội địa	259.500	63.140	24	88
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương, địa phương quản lý	107.600	25.030	23	76
	- Thuê giá trị gia tăng	53.700	10.423	19	72
	- Thuê thu nhập doanh nghiệp	2.800	2.350	84	363
	- Thuê tài nguyên	51.100	12.257	24	69
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	200	3.934	1.967	49.176
	- Thuê giá trị gia tăng	50	0	0	1
	- Thuê thu nhập doanh nghiệp	150	3.933	2.622	78.661
	- Thuê tài nguyên		1		103
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	105.510	18.162	17	68
	- Thuê giá trị gia tăng	68.080	10.452	15	64
	- Thuê thu nhập doanh nghiệp	13.920	3.634	26	71
	- Thuê tiêu thụ đặc biệt	240	66	28	86
	- Thuê tài nguyên	23.270	4.010	17	77
4	Thuê thu nhập cá nhân	13.660	3.428	25	61
5	Thuê bảo vệ môi trường	-	38		13
6	Lệ phí trước bạ	9.000	2.673	30	130
7	Thu phí, lệ phí	2.530	1.261	50	107
	- Phí và lệ phí trung ương	417	161	39	145
	- Phí và lệ phí tỉnh	30	69		153
	- Phí và lệ phí huyện, xã	2.083	1.031	49	101
8	Thuê sử dụng đất nông nghiệp	-			
9	Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp	-			
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	700	2.775	396	7.500
11	Thu tiền sử dụng đất	7.000	1.611	23	69
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-			
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-			
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	10.200	3.271	32	46.733
15	Thu khác ngân sách	3.100	645	21	121
	Trong đó	-			
	- Thu khác NSTW	1.900		0	
	- Thu khác ngân sách tỉnh	400		0	
	- Thu khác ngân sách huyện, xã	800			
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
17	Thu hồi vốn, thu cổ tức				
18	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
19	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước				
20	Các khoản thu huy động đóng góp		311		60
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	54.205	16.493	30	
1	Từ các khoản thu phân chia	35.322	10.089	29	
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	18.883	6.404	34	

THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 115/BC-UBND, ngày 16/ 4 /2019 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I/2019	So sánh thực hiện với (%)		
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm trước	
A	B	1	2	3	4	
	TỔNG CHI NSDP	390.456	104.029	27	99	105173
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	339.450	104.029	31	112	92858
I	Chi đầu tư phát triển	21.046	22.071	105	155	14226
II	Chi thường xuyên	309.853	81.958	26	104	78632
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	202.688	47.093	23	111	42357
2	Chi khoa học và công nghệ	320	1	0	4	29
3	Chi quốc phòng	4.518	1.607	36	32.132	5
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	372	1.094	294	729	150
5	Chi y tế, dân số và gia đình	1.306	454	35		
6	Chi văn hóa thông tin	2.600	609	23	138	441
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.459	504	21	90	561
8	Chi thể dục thể thao	332	39	12	153	26
9	Chi bảo vệ môi trường	3.336	226	7	119	190
10	Chi các hoạt động kinh tế	6.420	4.916	77	98	4994
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	76.152	19.940	26	78	25533
12	Chi bảo đảm xã hội	7.620	3.988	52	118	3377
13	Chi thường xuyên khác	1.730	1.487	86	153	970
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay					
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
V	Dự phòng ngân sách	8.551				
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	51.006	-	0		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	8.910		0		
-	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	6.577		0		
-	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	2.333		0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	42.096		0		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU					
D	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN					